CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ HUỆ
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 10/4/2025. Sửa chữa xong 20/4/2025. Duyệt đăng 09/5/2025.

Abstract

Digital transformation is a prevailing trend across nearly all aspects of economic and social life. In education especially higher education it plays a crucial role in advancing the National Digital Transformation Program of the Vietnamese Government through 2025, with a vision to 2030. Effective digital transformation requires a coordinated implementation across all sectors and within every institution. This article focuses on digital transformation in university-level training activities, analyzing its current status and proposing solutions to improve the quality and efficiency of educational operations in the digital age.

Keywords: *Digital transformation, higher education, training activities, current situation, solutions, quality improvement.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học (GDĐH) có vai trò phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội để thực hiện các mục tiêu chiến lược của nền kinh tế quốc gia. Với nhiệm vụ chính là đào tạo nguồn nhân lực, triển khai nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy hợp tác quốc tế, các trường đại học phải giữ vai trò tiên phong trong việc chuyển đổi số (CĐS) để góp phần thực hiện thành công chiến lược CĐS quốc gia, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. CĐS là xu thế tất yếu, khách quan, có vai trò rất quan trọng đối với mọi quốc gia, giúp giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường, xã hội; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời giúp chính quyền các cấp nâng cao năng lực quản lí, điều hành, phát triển Chính phủ số, xã hội số, công dân số. Chương trình CĐS quốc gia được phê duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu tiến tới xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Phát triển Chính phủ số nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của Chính phủ; Phát triển kinh tế số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; Phát triển xã hội số nhằm thu hẹp khoảng cách số [1]. Hiến pháp năm 2013 đã xác định: "Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài". Điều đó cho thấy, phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn liền với phát triển đất nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo dục cần phải phát triển theo hướng CĐS để tạo tiền đề cho phát triển đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tác động của chuyển đổi số trong giáo dục đại học

2.1.1. Trọng tâm CĐS trong GDĐH là phát triển các phần mềm ứng dụng, có thể giải quyết các bài toán giảng dạy, học tập và vận hành một trường đại học sao cho hiệu quả hơn, nhanh hơn và chính xác hơn. Hiện nay, việc CĐS rất thuận lợi vì có rất nhiều công nghệ tốt, hạ tầng tốt, nhân lực tốt, đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ... hầu hết là trí thức bậc cao tận tụy với công việc trong các trường đại học - một động lực quan trọng cho quá trình CĐS. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã khẳng định phải

Email: minhhue.psy5@gmail.com

đẩy mạnh CĐS quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về CĐS là một trong những nhiệm vụ cơ bản của GDĐH. CĐS trong GDĐH đã hỗ trợ quá trình giáo dục, đào tạo được diễn ra liên tục ngay cả những lúc điều kiện dịch bệnh bùng phát. CĐS đã cung cấp những công cụ số hỗ trợ đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy và học tập, tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu; tạo cơ hội học tập ở mọi lúc, mọi nơi và học tập suốt đời. Hiện nay, ở nước ta nhiều mô hình giáo dục thông minh, nhiều kho dữ liệu lớn chứa đựng khối lượng tri thức khổng lồ được hình thành; các ứng dụng hỗ trợ học tập đa dạng, phong phú; các cách thức liên hệ, tương tác giữa giảng viên (GV), sinh viên (SV), nhà trường, gia đình, các chuyên gia… được kết nối dễ dàng thông qua nền tảng công nghệ trí tuệ nhân tạo (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), vạn vật kết nối (AI).

2.1.2. Chuyển đổi số giúp người dạy và người học nhanh chóng thích nghi và sử dụng những phương thức mới, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong dạy và học, sử dụng công cụ đánh giá và đối sánh chất lượng theo thông lệ quốc tế để đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục. Việt Nam đã tham gia PISA (Chương trình đánh giá HS quốc tế - Programme for International Student Assessment) và xếp hạng đại học, thông qua đó Chính phủ có thể nhìn nhận thực trạng của hệ thống giáo dục quốc gia và đánh giá tầm quan trọng của CĐS trong thực hiện đổi mới toàn diện nền giáo dục nước nhà và hội nhập quốc tế.

2.1.3. Chuyển đổi số còn giúp GV xây dựng hệ thống bài giảng B-learning, E-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi, ghi âm, ghi hình bài giảng... góp phần làm sinh động nội dung người dạy muốn truyền tải đến người học. Trong chương trình đại học SV phải hoàn thành một khối lượng nội dung khá lớn bao gồm các môn học cung cấp kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Môn học nào cũng bao hàm một khối lượng kiến thức khổng lồ. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy GV thường rơi vào tình trạng "cháy giáo án", vì thời gian trên lớp không đủ để GV truyền tải hết nội dung lý thuyết của môn học. Song trong thời đại mới, GV hoàn toàn có thể áp dụng thành tựu của khoa học công nghệ mới trong quản lý lớp học, phân chia nội dung giảng, nội dung thảo luận, nội dung tự học và kiểm soát các hoạt động học tập của SV thông qua ứng dụng kahoot.it, pollev.com… GV cũng có thể sử dụng thực tế ảo, mạng xã hội, điện toán đám mây… đồng thời cũng có thể liên kết đến nhiều nội dung học tập khác có liên quan đến môn học một cách thuận lợi và dễ dàng. CĐS hỗ trợ đắc lực cho GV trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển từ chủ yếu truyền đạt tri thức sang những phương pháp giảng dạy tích cực, có sử dụng các ứng dụng hiện đại như Prezi, Google drive, Top hat, Pandora… Những ứng dụng này giúp bài giảng thêm sinh động, kết hợp được nhiều cách thức tương tác đến người học khác nhau thông qua nghe, nhìn, cảm nhận, từ đó SV có thể phát huy tối đa các năng lực nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo từ chính phương pháp mà GV cung cấp cho họ. CĐS nhằm đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt về thời gian và địa điểm của người học.

2.1.4. Chuyển đổi số giúp SV tra cứu tài liệu phục vụ môn học thuận lợi với nguồn dữ liệu khổng từ các SV khác cùng trường hoặc từ các trường đại học khác trên thế giới, kiến thức rất cập nhật và rộng mở, rất tiện lợi về thời gian và không phụ thuộc vào địa điểm. SV dễ dàng học hỏi nâng cao trình độ đáp ứng và thích nghi nhanh với xã hội. Việc tra cứu kết quả học tập, lịch học, lịch thi, đóng học phi... có thể thực hiện online một cách thuận tiện không mất thời gian công sức của SV.

2.2. Về tác động của chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay

2.2.1. Đối với hoạt động tuyển sinh: Tuyển sinh là tổ hợp của nhiều công việc khác nhau: Quảng bá, tổ chức tuyển sinh, xét tuyển… Trước đây, theo phương pháp truyền thống, việc quảng bá tuyển sinh chủ yếu được thực hiện bằng: đăng báo, đăng trên trang thông tin điện tử (website), gửi thông báo tuyển sinh hoặc trực tiếp tư vấn tại các trường trung học phổ thông, sở/phòng giáo dục và đào tạo tại các địa phương… Với cách làm này, chỉ những ai quan tâm đến ngành học, cơ sở GDĐH thông báo tuyển sinh và tiếp cận được với thông báo mới nắm được thông tin tuyển sinh của nhà trường. Ngay cả như vậy, nội dung thông tin về các ngành học, về nhà trường cũng hết sức hạn chế, làm ảnh hưởng đến việc lựa chọn cơ sở đào tạo, ngành học của thí sinh và phụ huynh thí sinh.

Đối với tuyển sinh, việc đa dạng hóa phương thức tuyển sinh, trong đó tăng cường tuyển sinh trực tuyến, sử dụng hồ sơ điện tử, xét tuyển tự động, thông báo kết quả trực tuyến, nhập học trực tuyến đang từng bước thay thế cho những cách làm truyền thống. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học trực tuyến (hơn 600.000 thí sinh, với gần 3 triệu nguyện vọng được đăng ký trực tuyến mỗi năm) [2]. Ở một khía cạnh khác, tuyển sinh đại học thường có mối quan hệ chặt chẽ với một hoạt động khác của các nhà trường là mở ngành đào tạo. Như đã đề cập, xu thế CĐS đòi hỏi sự điều chỉnh trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển GDĐH của cơ quan quản lý nhà nước.

2.2.2. Đối với hoạt động dạy và học: Dạy - học là hoạt động chuyên môn chủ đạo trong một trường đại học, giúp người học hoàn thành mục tiêu học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Dạy - học không chỉ nằm đơn thuần là việc truyền đạt kiến thức thông qua các tiết học mà thực chất là một chuỗi các hoạt động dạy của GV, hoạt động học của người học và hoạt động kiểm tra, đánh giá. CĐS trong đào tạo đại học thể hiện rõ nét nhất qua thực tế khá phổ biến hiện nay là hoạt động dạy học được thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến. Có thể hiểu đơn giản, giáo dục trực tuyến là hình thức giáo dục từ xa, trong đó ứng dụng CNTT, liên lạc. Người học và người dạy có thể truy cập được các tài nguyên dạy học trực tuyến trên nền tảng công nghệ một cách thuận tiện. Abbad và cộng sự đã định nghĩa, giáo dục trực tuyến là bất cứ hình thức học tập nào sử dụng công nghệ điện tử và thu hẹp lại, những hình thức học tập sử dụng mạng Internet và nền tảng website. Gần đây, việc dạy học trực tuyến ở Việt Nam đã được tiến hành dưới nhiều hình thức, đặc biệt là dựa vào các nền tảng hội nghị trực tuyến (video conference). Zoom Meeting và Microsoft Teams là hai nền tảng phổ biến nhất. Nhìn chung, đào tạo trực tuyến đối với giáo dục nói chung mang đến nhiều lợi ích như: Giúp việc dạy - học trở nên linh hoạt, tiết kiệm chi phí; giúp các nhà trường tăng cường khả năng tuyển sinh… Những lợi ích này càng có ý nghĩa hơn đối với đào tạo đại học, bởi hình thức này đòi hỏi người học phải chủ động nhiều hơn trong suốt quá trình học tập, một yêu cầu rất cần thiết đối với giai đoạn chuẩn bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ để sẵn sàng gia nhập thị trường lao động trong tương lai gần.

2.2.3. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng tâm luôn song hành cùng với công tác giảng dạy, đào tạo trong các cơ sở GDĐH. Khoản 1 *Điều 5 Luật* Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) đã quy định mục tiêu chung của GDĐH là "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế". Tương tự như hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học trong các nhà trường hiện nay cũng chịu nhiều tác động bởi bối cảnh CĐS. CNTT phát triển đã kéo theo sự gia tăng không ngừng của thông tin số, sự đa dạng của các kênh truyền tin và hình thức thông tin, sự phức tạp trong xác định chất lượng thông tin và nguồn tin cũng như sự dễ dàng trong chia sẻ thông tin.

2.2.4. Đối với hoạt động quản trị nội bộ: CĐS tác động mạnh mẽ đến hoạt động quản trị nội bộ của các cơ sở GDĐH. Theo thống kê, hiện nay ở Việt Nam công tác CĐS đã triển khai được cơ sở dữ liệu GDĐH (HEMIS). HEMIS là hệ thống cơ sở dữ liệu về GDĐH nhằm thu thập, tổng hợp, quản lý dữ liệu và cung cấp kịp thời, chính xác và đầy đủ thông tin phục vụ quản lý về GDĐH do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý đã được xây dựng và triển khai thu thập đầy đủ dữ liệu từ tháng 6/2023. Qua đó, "thu thập, số hóa dữ liệu của 442 cơ sở đào tạo, 152.470 GV, 2.102.165 người học và dữ liệu về: nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, tài chính, hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế…". Bằng việc triển khai hai nền tảng cơ sở dữ liệu toàn ngành (cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và cơ sở dữ liệu HEMIS) cùng với việc ban hành các quy định chuẩn hóa dữ liệu thông tin quản lý của ngành đã tạo điều kiện cho các hệ thống quản trị kết nối dữ liệu, thông tin quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục từ trung ương tới các địa phương vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số và dữ liệu số.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay

2.3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CĐS, tạo sự chuyển biến sâu sắc về

nhận thức và hành động, sự đồng thuận của tất cả các trường đại học với công tác CĐS; đồng thời, nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin cho SV khi tham gia CĐS. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của trường, Bộ Giáo dục và của Nhà nước về công tác CĐS.

2.3.2. Sinh viên, GV và cán bộ quản lý cần thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sử dụng CNTT, khả năng ngoại ngữ để có thể nắm bắt và áp dụng công nghệ thành công trong giảng dạy và CĐS. Tập trung nguồn kinh phí, bố trí, sắp xếp thời gian, công việc để tập trung học tập nâng cao trình độ, giúp cho việc CĐS tại các trường đại học diễn ra nhanh chóng và thuận lợi. Phát triển các nguồn lực về công nghệ số trong các trường đại học nhằm tạo môi trường cho sự phát triển cho kinh tế số, từng bước tạo thị trường sản phẩm khoa học - công nghệ và là trung tâm chuyển giao khoa học - công nghệ của quốc gia. Đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng phục vụ vận hành các hoạt động chuyển đổi số cho cán bộ, viên chức. Hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ viên chức, đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình tập huấn hàng năm.

2.3.3. Các trường đại học cần đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng CNTT nhằm phục vụ công cuộc CĐS một cách nhanh chóng, thuận lợi. Xây dựng các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, hệ thống an toàn, an ninh mạng (SOC) phục vụ tốt cho việc lưu trữ và bảo mật cơ sở dữ liệu, tránh nguy cơ bị tấn công mạng, đánh cắp cơ sở dữ liệu... tại các trường đại học.

2.3.4. Nhà nước cần có chính sách quan tâm, hỗ trợ, đầu tư giúp cho các trường đại học CĐS một cách thuận lợi. Hoạt động CĐS hiện nay vẫn còn đang trong tình trạng mạnh ai nấy làm, chưa có sự đồng bộ cả về lộ trình, cách thức, phương pháp. Nhà nước cũng cần có chính sách ưu đãi về cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính…, tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học thực hiện CĐS nhanh nhất và thuận lợi nhất.

2.3.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành các trường đại học, thực thi công việc theo hướng khuyến khích, sẵn sàng ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới trong quá trình CĐS. Rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp trong tiến trình CĐS, thực hiện tốt việc bảo vệ sở hữu trí tuệ... để khuyến khích các trường đại học, đổi mới sáng tạo phát triển bền vững, đồng thời tạo động lực cho các chuyên gia CNTT, nhà khoa học, các GV, SV tham gia tích cực vào quá trình CĐS.

2.3.6. Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các trường đại học để phục vụ quản lý điện tử trên hạ tầng nền tảng điện toán đám mây; thực hiện quy chế chia sẻ thông tin qua hệ thống mạng giữa các trường đại học trong và ngoài nước. Hình thành trung tâm thông tin và dự báo xu hướng phát triển của GDĐH trong nước và quốc tế. Ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động quản lý, điều hành công việc, các ứng dụng nghiệp vụ quản lý. Thực hiện đồng bộ việc luân chuyển các văn bản trên môi trường mạng thông qua hệ thống các trang, cổng thông tin điện tử; ứng dụng chứng thực số, chữ ký số để thực hiện các công việc (ngoại trừ các văn bản mật theo quy định); đầu tư xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (Big data) đủ đáp ứng công việc của mỗi trường đại học nói riêng và hệ thống GDĐH nói chung. Đồng bộ số hóa dữ liệu trong các hoạt động của các trường đại học đầy đủ thông tin phục vụ người học và các hoạt động chung của nhà trường.

2.3.7. Có giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để CĐS thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình CĐS. Xây dựng và vận hành có hiệu quả Trung tâm điều hành An ninh mạng (SOC). Phát huy vai trò của người đứng đầu trong triển khai nhiệm vụ CĐS gắn với mục tiêu nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành, quản lý. Đưa kết quả triển khai CĐS thành chỉ tiêu đánh giá của các ngành, các cấp và cán bộ, công chức.

2.4. Quá trình chuyển đổi số tại Học viện Cảnh sát nhân dân

Học viện Cảnh sát nhân dân (CSND) là một trong những cơ sở giáo dục của Bộ Công an đi đầu trong công tác CĐS trong giáo dục. Cách đây 7 năm, vào tháng 10 năm 2016, Học viện CSND là cơ sở GDĐH đầu tiên trong CAND đã triển khai vận hành "Học viện CSND điện tử" theo định hướng và mô hình điều hành của Chính phủ điện tử. Sau 7 năm triển khai, mô hình "Học viện CSND điện tử" đã thu được những kết quả rất khả quan. Việc điều hành của Học viện đã thực hiện hoàn toàn trên hệ thống các phần mềm, trong đó phần mềm "hệ thống văn bản và điều hành" được ví như "trái tim" của "Học viện CSND điện tử". Theo

Trung tướng, GS. TS. Trần Minh Hưởng, Giám đốc Học viện CSND, năm học 2019-2020, Học viện CSND là cơ sở đào tạo CAND đầu tiên chính thức đưa và triển khai hệ thống phần mềm tuyển sinh sử dụng mạng WAN nội bộ của Bộ Công an giúp kết nối, trao đổi dữ liệu tuyển sinh giữa Học viện và Công an các đơn vị, địa phương. Tính đến thời điểm hiện tại, Học viện đã triển khai có hiệu quả 40 phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành công tác hành chính cũng như quản lý giáo dục, nghiên cứu khoa học; 100% các đơn vị trong Học viện CSND đều có cổng thông tin trên mạng nội bộ, Học viện cũng xây dựng cổng thông tin trên mạng nội bộ và Internet bao gồm cả Tiếng Việt và tiếng Anh… Bên cạnh đó, Học viện cũng đã đầu tư trang bị nhiều phòng máy tính chuyên dùng để phục vụ đào tạo lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, thực hành các môn Tin học, Ngoại ngữ và các môn chuyên ngành khác; tổ chức thi kiểm tra theo hình thức thi trắc nghiệm, thực hành. Đặc biệt, việc triển khai dự án "Xây dựng thư viện điện tử" do tổ chức Koica tài trợ và đưa vào khai thác sử dụng tại Học viện CSND được xem là thư viện hiện đại nhất trong các trường CAND với hàng vạn đầu sách được số hóa và kết nối, chia sẻ dữ liệu số trong hệ thống mạng LAN [3].

Vì vậy, để nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ, GV Học viện CSND đã tổ chức các hội thảo khoa học, các lớp bồi dưỡng về CĐS. Ngày 28/9/2023, Học viện đã tổ chức Lễ khai giảng Lớp bồi dưỡng kiến thức về CĐS cho lãnh đạo, cán bộ, GV các đơn vị thuộc Học viện. Đại tá, TS. Nguyễn Đăng Sáu - Phó Giám đốc Học viện dự và chủ trì lễ khai giảng. Tham dự chương trình có PGS.TS Nguyễn Ái Việt, nguyên Viện trưởng Viện CNTT, Đại học Quốc gia Hà Nội; Thượng tá Lê Thành Nam, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin chỉ huy, Văn phòng Bộ Công an - báo cáo viên của chương trình; tập thể lãnh đạo, cán bộ, GV Học viện CSND. Hiện thực hóa các chủ trương của Đảng, Chính phủ lấy ngày 10/10 hằng năm là Ngày CĐS Quốc gia nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về CĐS quốc gia, thực hiện có hiệu quả Chương trình CĐS Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, lực lượng CAND là một trong những lực lượng tiên phong đi đầu trong tiến trình CĐS quốc gia, đồng thời truyền tải thông điệp đổi mới, sáng tạo, đột phá trong thực hiện công cuộc CĐS ngành Công an, góp phần CĐS quốc gia. Tại Học viện CSND, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng công tác giáo dục, đào tạo của Học viện đã từng bước phát triển, hoàn thiện và trưởng thành vượt bậc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho lực lượng CAND. Xác định khoa học công nghệ trong đó có CNTT là động lực quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện đã quan tâm, chỉ đạo sát sao các đơn vị đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào mọi mặt của công tác ở Học viện từ rất sớm và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Hiện nay, Học viện đã thực hiện thành công giai đoạn ứng dụng CNTT như đầu tư hạ tầng, mạng máy tính, phương tiện máy móc, triển khai hiệu quả nhiều phần mềm ứng dụng. Đây là tiền đề quan trọng và vững chắc để Học viện chuyển sang giai đoạn CĐS. Để đạt được mục tiêu CĐS, với quyết tâm chính trị cao nhất, Đảng ủy Học viện đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo công tác ứng dụng khoa học công nghệ và CĐS; chỉ đạo các đơn vị xây dựng và triển khai Kế hoạch CĐS của Học viện CSND giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện xác định để CĐS thành công thì trước hết phải đổi mới tư duy và thống nhất nhận thức. Hiện thực hóa mục tiêu trên, trong tháng 9 và 10/2023, Học viện CSND sẽ tiến hành tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nhằm tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức bồi dưỡng kiến thức về CĐS cho lãnh đạo, cán bộ, GV trong Học viện. Sau lễ khai giảng, tập thể lãnh đạo, cán bộ, GV trong Học viện đã được nghe các báo cáo viên truyền đạt 02 chuyên đề về nội dung CĐS, bao gồm: Chuyên đề 1: Nhận thức chung về CĐS: khái niệm, đặc tính của CĐS; bối cảnh, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam; một số mô hình CĐS cụ thể và bài học kinh nghiệm triển khai; CĐS trong giáo dục, đào tạo do PGS. TS. Nguyễn Ái Việt, nguyên Viện trưởng Viện CNTT, Đại học Quốc gia Hà Nội trình bày; Chuyên đề 2: CĐS trong lực lượng CAND và yêu cầu đặt ra đối với công tác giáo dục, đào tạo của các trường CAND do Thượng tá Lê Thành Nam, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin chỉ huy, Văn phòng Bộ Công an trình bày [4].

Xem tiếp trang 187